TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2023

DANH SÁCH ĐIỂM THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023

Đối tượng: CKI **Chuyên ngành: Da liễu**

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi Cơ sở ngành			Môn thi chuyên ngành			Tổng điểm	Ghi chú
						Môn thi	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi	Điểm số	Điểm chữ		
1	CKI 001	Bùi Thị Ngọc	Anh	24/12/1994	1	Sinh lý	6,75	Sáu phẩy bảy mươi lăm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	16,00	
2	CKI 010	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/1990	1	Sinh lý	7,25	Bảy phẩy hai mươi lăm	Da liễu	9,00	Chín phẩy không	16,25	
3	CKI 014	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/09/1985	1	Sinh lý	8,00	Tám phẩy không	Da liễu	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	16,25	
4	CKI 086	Phan Trọng	Đức	15/09/1985	4	Sinh lý	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,50	
5	CKI 090	Vi Thị	Giang	05/06/1988	4	Sinh lý	8,00	Tám phẩy không	Da liễu	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	16,25	
6	CKI 095	Nguyễn Thị	Hà	10/04/1993	4	Sinh lý	9,00	Chín phẩy không	Da liễu	7,25	Bảy phẩy hai mươi lăm	16,25	
7	CKI 104	Nguyễn Thanh	Hải	23/06/1971	4	Sinh lý	5,50	Năm phẩy năm	Da liễu	5,00	Năm phẩy không	10,50	
8	CKI 128	Lê Việt	Hoa	09/07/1973	5	Sinh lý	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	Da liễu	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	16,50	
9	CKI 129	Lò Thị	Hoa	20/06/1992	5	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	9,00	Chín phẩy không	17,50	
10	CKI 153	Trần Văn	Hùng	04/09/1994	6	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,75	
11	CKI 157	Nguyễn Phi	Huy	17/01/1994	7	Sinh lý	5,00	Năm phẩy không	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	14,25	
12	CKI 176	Nguyễn Thị	Hương	21/03/1996	7	Sinh lý	7,75	Bảy phẩy bảy mươi lăm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,00	
13	CKI 177	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/03/1988	7	Sinh lý	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	Da liễu	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	16,50	
14	CKI 192	Hoàng Thị Tú	Lan	17/12/1988	8	Sinh lý	7,75	Bảy phẩy bảy mươi lăm	Da liễu	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	16,50	
15	CKI 206	Lưu Thuỳ	Linh	01/02/1996	8	Sinh lý	8,00	Tám phẩy không	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,25	
16	CKI 219	Dương Văn	Lộc	04/03/1991	9	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	17,25	
17	CKI 225	Hoàng Thị	Lường	25/12/1987	9	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	17,25	
18	CKI 242	Nguyễn Hoài	Nam	02/04/1983	10	Sinh lý	8,00	Tám phẩy không	Da liễu	9,00	Chín phẩy không	17,00	
19	CKI 248	Phạm Văn	Năm	25/09/1984	10	Sinh lý	7,00	Bảy phẩy không	Da liễu	9,50	Chín phẩy năm	16,50	
20	CKI 317	Hoàng Anh	Tú	21/05/1990	13	Sinh lý	7,00	Bảy phẩy không	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	16,25	
21	CKI 328	Trần Quốc	Tuấn	20/01/1971	13	Sinh lý	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,50	
22	CKI 335	Đỗ Thị	Tuyến	02/03/1993	13	Sinh lý	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	Da liễu	9,50	Chín phẩy năm	18,25	
23	CKI 340	Nguyễn Thị	Tưởng	01/10/1976	14	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	8,50	Tám phẩy năm	17,00	
24	CKI 367	Điêu Chính	Thiệu	22/02/1986	15	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,75	
25	CKI 381	Tống Thị	Thuý	02/01/1987	15	Sinh lý	7,25	Bảy phẩy hai mươi lăm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	16,50	
26	CKI 393	Lương Thị	Thương	18/09/1987	16	Sinh lý	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,50	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi Cơ sở ngành			Môn thi chuyên ngành			Tổng điểm	Ghi chú
						Môn thi	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi	Điểm số	Điểm chữ		
27	CKI 397	Cao Thị	Trang	15/01/1991	16	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	8,00	Tám phẩy không	16,50	
28	CKI 405	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	08/08/1991	16	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	9,50	Chín phẩy năm	18,00	
29	CKI 414	Lê Thị	Vân	26/04/1990	16	Sinh lý	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,50	
30	CKI 432	Hoàng Thị Hải	Yến	14/11/1975	17	Sinh lý	6,75	Sáu phẩy bảy mươi lăm	Da liễu	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	15,00	
31	CKI 438	Phan Thị	Yến	03/02/1992	17	Sinh lý	8,50	Tám phẩy năm	Da liễu	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	17,75	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TS. Vũ Thị Hồng Anh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng